

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09- 01 – 2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Phi Hùng
- Bà Trần Ngọc Anh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Thy- Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Phong– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 380/2022/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2022/QĐXXST-HN, ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Văn I, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: tổ 01, ấp Hưng Hoà, xã P, huyện PT, An Giang.

- *Bị đơn:* chị Trần Thị Mong T, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: tổ 03, khóm Trung 3, thị trấn Phú M, huyện PT, An Giang.

(Anh I yêu cầu vắng mặt, chị Tiên vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2010, sau thời gian tìm hiểu chung sống như vợ chồng, anh và chị Tiên không tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú M (Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 06/02/2017). Nguyên nhân mâu thuẫn: sau thời gian lên Thành phố sinh sống, làm ăn, vợ chồng không còn phù hợp về tính tình, thường xuyên cự cãi và chị Tiên có biểu hiện không chung th thủy, ly thân từ giữa năm 2021 đến nay. Nay anh yêu cầu ly

hôn với chị Tiên. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Phạm Thị U (mẹ ruột của chị Tiên) cho biết vợ chồng anh I - chị Tiên không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn, sau khi đám cưới thì lên thành phố làm thuê, đến năm 2018 không hạnh phúc nên đã ly thân từ đó đến nay, nguyên nhân do không hoà hợp và cũng không có con chung.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn I được ly hôn với chị Trần Thị Mong T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết do đó không đặt ra xem xét. Anh I phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Phú M, huyện PT, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Anh I và chị Tiền có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu, đạt được mục đích thì phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh chị không làm được điều đó, Tòa án đã triệu tập chị Tiền để tham gia hòa giải hai lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị đều không đến, đã ly thân thời gian dài không còn chung sống, anh I cương quyết yêu cầu ly hôn, nên chấp nhận cho anh Nguyễn Văn I được ly hôn với chị Trần Thị Mong T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Anh I xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung:* Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* Ghi nhận anh I xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Nguyễn Văn I phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Tiền không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn I.

1. Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn I được ly hôn với chị Trần Thị Mong T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 06/02/2017 do Ủy ban nhân dân thị trấn Phú M, huyện PT cấp cho anh chị không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận anh I xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Nguyễn Văn I phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0005686 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện PT, tỉnh An Giang. Chị Trần Thị Mong T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ